



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX TV-002

Version 1.0
SDS prepared on: 26/09/2022
Print Date: 26/09/2022

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

1.1. Định danh sản phẩm

Trade name: HUNTEX TV-002

Chemical Name: Mixture.

1.2. Khuyến nghị sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng

Khuyến nghị sử dụng : Phụ trợ dệt may.

hạn chế sử dụng : Không biết.

1.3. Chi tiết về nhà cung cấp bằng dữ liệu an toàn

Công ty : Công ty TNHH Hóa Chất Hùng Xương.

Số điện thoại : +84 272 377 8055/56

Số fax : +84 272 377 80

E-mail : info@hungxuong.com

1.4. Thông tin khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp : +84 272 377 8055

Thông tin :

2. Nhận dạng mối nguy hại

2.1. Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Phân loại GHS theo Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất - Thông tư số 32/2017/TT-BCT

Hỗn hợp

2.2. Các thành phần nhãn

Các thành phần nhãn GHS



Hình đồ cảnh báo : GHS07

Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ : H302

H316

H319

H402

Có hại nếu nuốt phải.

Gây kích ứng da nhẹ.

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Có hại cho đời sống thủy sinh.

Các công bố về phòng ngừa :

Phòng ngừa : P264

P270

P273

P280

Rửa tay và cơ thể bị nhiễm bẩn kỹ lưỡng sau khi xử lý.

Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

Tránh thải ra môi trường.

Mang găng tay bảo hộ / quần áo bảo hộ / bảo vệ mắt / bảo vệ mặt.

Lưu ý khi tiếp xúc : P301+P312

Nếu NUỐT PHẢI: Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ/nhân viên y tế nếu cảm thấy không khỏe.

P330

Súc miệng

P332+P313

Nếu bị kích ứng da: Hỏi ý kiến tư vấn y tế.

P305+P351+P338 NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Hủy bỏ kính áp tròng, nếu có và thuận tiện. Tiếp tục rửa.

P337+P313

Nếu vẫn còn kích ứng mắt: Hỏi ý kiến tư vấn y tế.



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX TV-002

Version 1.0
SDS prepared on: 26/09/2022
Print Date: 26/09/2022

Bảo quản : Nơi thoáng khí. Giữ kín thùng chứa.
Thải bỏ : P501 Vứt chất chứa / thùng chứa vào nhà máy đốt công nghiệp.

2.3. Các mối nguy hiểm khác

Không biết

3. Thông tin về thành phần các chất

3.1. Đơn chất

-

3.2. Hỗn hợp

Thông tin về các thành phần/Các thành phần nguy hiểm

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (%)	Phân loại GHS
(1-Hydroxyethylidene)Bis-Phosphonic Acid Tetrasodium Salt	3794-83-0	15%	Acute tox. 4, H302 Eye Dam./Irrit. 2A, H319
sodium,[2-[2-bis(phosphonomethyl)amino]ethyl-(phosphonomethyl)amino]ethyl-(phosphonomethyl)amino]methyl-hydroxyphosphinate	22042-96-2	5%	Eye Dam./Irrit. 2B, H320 Skin Corr./Irrit. 3, H316 Aquatic Acute 2, H401

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu

Lời khuyên chung : Nếu cần tư vấn y tế, hãy cung cấp tài liệu SDS cho bác sĩ.
Hít phải : Di chuyển nạn nhân ra khỏi nơi tiếp xúc hoặc di chuyển đến khu vực thông thoáng. Nếu có biểu hiện khó thở, cần được tư vấn y tế.
Tiếp xúc với da : Sau khi tiếp xúc với da, rửa sạch bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi bỏ quần áo, giày dép và phụ kiện bằng da bị nhiễm bẩn.
Tiếp xúc với mắt : Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Hủy bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục xả. Nếu kích ứng mắt vẫn còn – Nhận sự tư vấn/chăm sóc y tế.
Nuốt phải : Trong trường hợp nuốt phải, súc miệng bằng nước, uống nhiều nước. Nếu cảm thấy không khỏe, hãy tìm lời khuyên y tế.

4.2. Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Các triệu chứng : không có gợi ý đặc biệt

4.3. Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm trễ

Điều trị theo triệu chứng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

5.1. Phương tiện chữa cháy phù hợp



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX TV-002

Version 1.0
SDS prepared on: 26/09/2022
Print Date: 26/09/2022

Phương tiện chữa cháy thích hợp: phun nước, bọt, bột khô, CO₂.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp: không có sẵn dữ liệu.

5.2. Những mối nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Trong trường hợp hỏa hoạn, các chất có thể được giải phóng: Carbon monoxide (CO), carbon dioxide, nitrogen oxides (NO_x), phosphorus oxides (P_xO_y), phosphines.

5.3. Lời khuyên cho lính cứu hỏa

Khi đốt sẽ thải ra khói độc, lính cứu hỏa phải mặc thiết bị thở khép kín và quần áo bảo hộ thích hợp nếu có nguy cơ tiếp xúc với hơi hoặc sản phẩm của quá trình cháy.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

6.1. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình xử lý khẩn cấp

Sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Tránh trơn trượt, không chạm vào hoặc đi qua vật liệu bị đổ.

6.2. Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Thu gom và cho vào một thùng chứa có thể đóng lại. Ngăn chặn dòng chảy vào cống rãnh và đường nước.

6.3. Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

Hấp thụ chất lỏng bằng vật liệu hấp thụ, ví dụ: đất, cát và các vật liệu hấp thụ không cháy khác.

7. Xử lý và bảo quản

7.1. Thận trọng trong việc bảo quản

Lời khuyên về an toàn : Đeo thiết bị bảo hộ, đeo kính bảo hộ khi làm việc.

Biện pháp vệ sinh : Không ăn uống, hút thuốc khi làm việc. Rửa sạch tay trước khi nghỉ giải lao và sau giờ làm việc.

Bảo vệ chung : Không hít phải khí/hơi/sol khí. Tránh tiếp xúc với da các biện pháp tiếp xúc với da.

7.2. Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ điều kiện không tương thích nào Phòng chống cháy nổ

Thông tin: không yêu cầu các biện pháp đặc biệt.

Kho

Thông tin: không có

Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ:

Đậy kín thùng chứa và bảo quản ở nơi mát, nhiệt độ 15-25 °C, nơi khô ráo thoáng gió. Bảo quản tránh xa nguồn nhiệt, ngọn lửa, nguồn bắt lửa và các chất xung khắc. Tránh tiếp xúc với kiềm, chất oxy hóa. Kiểm tra rò rỉ thường xuyên.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/Bảo vệ cá nhân

8.1. Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm:

Nguyên liệu	Số CAS	Cơ sở luật định	Loại giá trị (Từ mức độ tiếp xúc; Được thể hiện dưới dạng)	Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX TV-002

Version 1.0
SDS prepared on: 26/09/2022
Print Date: 26/09/2022

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm

Thích hợp	: hoạt động trong khu vực thông gió tốt.
Kiểm soát kỹ thuật	
Thiết bị bảo vệ cá nhân	
Bảo vệ mắt	: đeo kính bảo hộ.
Bảo vệ tay	: găng tay bảo hộ.
Bảo vệ cơ thể	: quần áo bảo hộ lao động và giày bảo hộ lao động.
Bảo vệ đường hô hấp	: đeo mặt nạ phòng độc.
Biện pháp vệ sinh	: tránh xa thực phẩm. Luôn rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn và các thiết bị bảo hộ khác trước khi cất giữ hoặc sử dụng lại.

9. Đặc tính lý hóa của chất

9.1. Thông tin về các đặc tính vật lý và hóa học cơ bản

Trạng thái vật lý	: chất lỏng.
Màu sắc	: không màu.
Mùi	: đặc trưng.
Ngưỡng mùi	: không có sẵn dữ liệu.
pH của 1% chất lỏng (25 °C)	: không có sẵn dữ liệu.
Điểm nóng chảy	: không có dữ liệu.
Điểm sôi	: không có dữ liệu.
Điểm chớp cháy	: không có sẵn dữ liệu.
Tốc độ bay hơi	: không có dữ liệu.
Tính dễ cháy	: không có sẵn dữ liệu.
Giới hạn Nổ/Cháy trên	: không có dữ liệu.
Giới hạn dưới của cháy nổ	: không có dữ liệu.
Áp suất hóa hơi	: không có dữ liệu.
Hơi tương đối	: không có dữ liệu.
Mật độ tương đối	: không có sẵn dữ liệu.
Độ hòa tan	: hòa tan trong nước.
Hệ số phân tán (n-octanol / nước)	: không có dữ liệu.
Nhiệt độ tự bốc cháy	: không có sẵn dữ liệu.
Nhiệt phân hủy	: không có sẵn dữ liệu.
Độ nhớt, động học	: không có dữ liệu.
Độ nhớt, động lực	: không có sẵn dữ liệu.
Tính chất oxy hóa	: không có dữ liệu.

9.2. Thông tin khác

Mật độ	: không có dữ liệu.
Ăn mòn kim loại	: không có dữ liệu.

10. Mức ổn định và khả năng phản ứng của hóa chất



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX TV-002

Version 1.0
SDS prepared on: 26/09/2022
Print Date: 26/09/2022

10.1. Khả năng phản ứng

Có thể ăn mòn kim loại.

10.2. Tính ổn định hóa học

Sản phẩm ổn định trong điều kiện bình thường.

10.3. Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Không có trong quá trình xử lý thông thường.

Có thể xảy ra phản ứng với thép và nhôm.

10.4. Các điều kiện cần tránh

Nhiệt, ngọn lửa, nguồn đánh lửa và các chất không tương thích.

10.5. Vật liệu không tương thích

Chất oxy hóa mạnh, nhôm và thép.

10.6. Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Carbon monoxide (CO), carbon dioxide, nitrogen oxides (NO_x), phosphorus oxides (P_xO_y), phosphines. có thể hình thành khi sản phẩm bị phân hủy bởi nhiệt.

11. Thông tin về độc tính

11.1. Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp (đường miệng) : không được phân loại.

Độc cấp tính (hít phải) : không được phân loại.

Độc tính cấp (qua da) : không được phân loại.

Kích ứng/ăn mòn da : không được phân loại.

Tổn thương mắt/ kích ứng mắt

nghiêm trọng : không được phân loại.

Độc tính gia tăng : không được phân loại.

Đánh giá CMR

Khả năng gây ung thư : không được phân loại.

Tính gây đột biến : không được phân loại.

Tính gây quái thai : không được phân loại.

Độc tính với sinh sản : không được phân loại.

Độc tính cơ quan đích cụ thể -

Phơi nhiễm một lần : không được phân loại.

Độc tính cơ quan đích cụ thể -

Phơi nhiễm một lần : không được phân loại.

Nguy cơ hít thở : không được phân loại.

12. Thông tin về sinh thái

12.1. Độc tính sinh thái

Không có dữ liệu.

12.2. Tính bền và khả năng phân hủy

Khả năng phân hủy sinh học: Không có sẵn dữ liệu.

Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5): Phân hủy sau khi thích nghi.

Nhu cầu oxy hóa học (COD): Không có sẵn dữ liệu.

12.3. Khả năng tích lũy sinh học



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT HUNTEX TV-002

Version 1.0
SDS prepared on: 26/09/2022
Print Date: 26/09/2022

Không có dữ liệu.

12.4. Khả năng phân tán qua đất

Không có dữ liệu.

12.5. Các tác dụng phụ khác

Không có dữ liệu.

13. Thông tin về thải bỏ

13.1 Các phương pháp xử lý chất thải

Chất thải từ cặn bã: Việc thải bỏ phải tuân theo các quy định và luật pháp địa phương.

Bao bì bị ô nhiễm: Vứt bỏ các thùng rỗng bị ô nhiễm theo quy định và pháp luật.

14. Thông tin khi vận chuyển

D.O.T Đường bộ/Đường sắt

Số UN

: không áp dụng.

Tên vận chuyển UN

: không áp dụng.

Nhãn nguy hiểm

:



Các loại nguy hiểm khi vận chuyển

: không áp dụng.

Nhóm đóng gói

: không áp dụng.

Môi nguy môi trường (Chất gây ô nhiễm biển)

: không áp dụng.

Vận chuyển số lượng lớn

: không áp dụng.

Thận trọng đặc biệt cho người dùng

: không áp dụng.

Vận tải hàng không ICAO-TI/IATA-DGR

Số UN

: không áp dụng.

Tên vận chuyển UN

: không áp dụng.

Nhãn nguy hiểm

:



Các loại nguy hiểm khi vận chuyển

: không áp dụng.

Nhóm đóng gói

: không áp dụng.

Môi nguy môi trường

: không áp dụng.

Vận chuyển số lượng lớn

: không áp dụng.

Thận trọng đặc biệt cho người dùng

: không áp dụng.

Vận tải đường biển IMDG

Số UN

: không áp dụng.

Tên vận chuyển UN

: không áp dụng.



BẢNG CHỈ DẪN AN TOÀN HÓA CHẤT

HUNTEX TV-002

Version 1.0
SDS prepared on: 26/09/2022
Print Date: 26/09/2022

Nhãn nguy hiểm

:



Các loại nguy hiểm khi vận chuyển	: không áp dụng.
Nhóm đóng gói	: không áp dụng.
Mối nguy môi trường (Chất gây ô nhiễm biển)	: không áp dụng.
Vận chuyển số lượng lớn	: không áp dụng.
Thận trọng đặc biệt cho người dùng	: không áp dụng.

15. Thông tin về pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho chất hoặc hỗn hợp

- Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất - Thông tư số 32/2017/TT-BCT. Ngày cấp: 28/12/2017.
- Quy định danh mục hàng công nghiệp nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển, vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm bằng phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa - số: 44/2012/TT-BCT - Ngày ban hành 28/12/2012.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh - QCVN05: 2013/BTNMT.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh - QCVN06: 2009/BTNMT.
- Quy định về ghi nhãn hóa chất trên cơ sở GHS theo Thông tư số 32/2017/BCT.
- Quyết định, số 3733/2002/QĐ-BYT.

16. Thông tin cần thiết khác

Thông tin trong tờ này được viết dựa trên kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất hiện có nhưng không có trách nhiệm pháp lý.

SDS chuẩn bị vào : 26/09/2022.

Ngày sửa đổi : 26/09/2022.

Phiên bản 1.0

Chú giải:

TWA: Thời gian trọng số trung bình.

STEL: Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn.

IATA: Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế.

ICAO: Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế.

IMDG: Hàng hóa Nguy hiểm Hàng hải Quốc tế.

Acute tox. 4: Độc tính cấp - Đường uống, nguy hiểm loại 4.

Eye Dam./Irrit. 2A: Tổn thương / Kích ứng mắt nghiêm trọng, nguy hiểm loại 2A.

Eye Dam./Irrit. 2B: Tổn thương / Kích ứng mắt nghiêm trọng, nguy hiểm loại 2B.

Skin Corr./Irrit. 3: Ăn mòn da / Kích ứng, nguy hiểm loại 3.

Aquatic Acute 2: Các nguy cơ cấp tính đối với môi trường thủy sinh, nguy hiểm loại 2.